

1. Khi đăng nhập vào Linux bằng root dấu nhắc lệnh sẽ là
 - a. \$
 - b. #
 - c. >
 - d. %
2. Lệnh cho biết bạn đang làm việc ở shell nào ?
echo \$SHELL
3. Với dấu nhắc và lệnh như sau **\$useradd "Phan Vinh Thuan" -g khoacntt pvthuan** sẽ thực hiện (#) **quyền root**
 - a. Tạo một account là pvthuan
 - b. Tạo một account Phan Vinh Thuan trong group khoacntt
 - c. Tạo một account pvthuan trong group khoacntt
 - d. **Không thực hiện được lệnh này**
4. Với dấu nhắc và lệnh như sau **\$userdel -r temp** sẽ thực hiện (#) **quyền root**
 - a. Xóa user temp và các file có liên quan
 - b. Xóa user temp nhưng không xóa các file có liên quan
 - c. **Không thực hiện được**
 - d. Chỉ xóa home directory của user temp
5. Với dấu nhắc và lệnh như sau **\$cat /etc/passwd** sẽ thực hiện
 - a. **Xem nội dung tập tin /etc/passwd**
 - b. Nhập nội dung để tạo tập tin /etc/passwd
 - c. Không thực hiện được
 - d. Xem password của root
6. Với dấu nhắc và lệnh như sau **\$cat /etc/shadow** sẽ thực hiện
 - a. **Xem nội dung tập tin /etc/shadow**
 - b. Nhập nội dung để tạo tập tin /etc/shadow
 - c. Không thực hiện được
 - d. Xem password đã được mã hóa của root
7. Tập tin **/etc/passwd** lưu trữ những thông tin gì. Khi không cài đặt gói *Shadow suite* thì mỗi dòng (record) trong tập tin này có mấy phần (trường). Ý nghĩa của mỗi phần là gì?
Passwd : chứa thông tin UID và GID, fullname, directory, shell.
.....
8. Khi có cài đặt gói *Shadow suite* và không cài đặt gói *Shadow suite* thì nội dung tập tin **/etc/passwd** có gì thay đổi?
.....
Shadow suite chuyển các mật mã đã được mã hóa vào tập tin /etc/shadow.
9. Tập tin **/etc/shadow** lưu trữ những thông tin gì? Mỗi dòng (record) trong tập tin này có mấy phần (trường). Cho biết ý nghĩa của từng phần (trường)
 1. Username.

2. Passwd đã được mã hóa.
3. Khoảng thời gian (ngày) từ 1/1/1970 cho tới lần đổi mật khẩu gần nhất.
4. Thời gian tối đa (ngày) cho phép người dùng đổi mật khẩu.
5. Thời gian hiệu lực tối đa của mật khẩu.
6. Thời gian trước khi mật khẩu hết hạn.
7. Khoảng thời gian mà tài khoản hết hạn đăng nhập.
8. Khoảng thời gian mà tài khoản hết hạn đăng nhập tính từ ngày 1/1/1970.

- a. **username**: tên tài khoản
- b. **passwd**: Mật mã đã được mã hóa
- c. **last**: Thời điểm tính từ 1/1/70 mật mã đã thay đổi lần cuối
- d. **min**: Số ngày tối thiểu trước khi mật mã bị đổi
- e. **max**: Số ngày tối đa sử dụng mật mã
- f. **warn**: Số ngày báo trước khi mật mã hết hạn
- g. **inact**: Số ngày sau khi hết hạn sử dụng tài khoản sẽ bị vô hiệu
- h. **expire**: Ngày tài khoản vô hiệu tính từ 1/1/70
- i. **reserved**: trường dự phòng

10. Trường thứ hai (tính từ bên trái) trên mỗi dòng của tập tin **/etc/shadow** chứa thông tin gì?

Trường thứ 2 chữ passwd đã được mã hóa

Nếu trường này chứa:

- i. dấu **!!** thì có nghĩa gì? Tài khoản không có mật mã và không đăng nhập hệ thống được (Rỗng: tài khoản k có mật khẩu ; **!**: mật khẩu người dùng bị chặn).
- ii. dấu ***** thì có nghĩa gì ? Tài khoản không được phép đăng nhập vào hệ thống. (tài khoản bị khóa)

11. Khi đang ở root, lệnh **usermod -L pvthuan** thực hiện công việc gì? Có thể thực hiện công việc này bằng một cách khác mà không cần phải đánh lệnh trên hay không?

.....**Khóa tài khoản pvthuan**.....

Vào thư mục **etc/shadow** đặt dấu **“!”** vào trước tài khoản ta cần xóa **pvthuan**.

12. Khi đang ở root, lệnh **usermod -U pvthuan** thực hiện công việc gì? Có thể thực hiện công việc này bằng một cách khác mà không cần phải đánh lệnh trên hay không?

Mở khóa tài khoản pvthuan.

Vào thư mục **etc/shadow** bỏ dấu **“!”** trước thông tin tài khoản cần mở khóa **pvthuan**

13. Login vào root và tạo user **thuctap** với password tùy ý

useradd [option] username

passwd [option] username

14. Đăng nhập bằng user **thuctap**

- a. Xem thư mục hiện hành.....**pwd**.....

- b. Lệnh `cd` / có tác dụng gì: **Chuyển về thư mục gốc**
- c. Sau khi thực hiện câu (b) thì lệnh `ls -l` sẽ
 - i. Xem danh sách tập tin và thư mục con trong `/home/thuctap`
 - ii. **Xem danh sách tập tin và thư mục con của root**

15. Login vào user **thuctap**. Tạo các tập tin `text1.txt`, `text2.txt`, `text3.txt` có nội dung tùy ý

```
cat > text1.txt
cat > text2.txt
cat > text3.txt
```

16. Lệnh `cat text1.txt text2.txt text3.txt` có tác dụng

- a. Kết hợp nội dung ba tập tin này thành tập tin `text1.txt`
- b. **Xem nội dung của ba tập tin**
- c. Chỉ xem được nội dung của tập tin `text1.txt`
- d. Không thực hiện được

17. Lệnh `cat > text1.doc text2.doc` sẽ

- a. **Tạo tập tin text1.doc**
- b. Tạo tập tin `text2.doc`
- c. Không thực hiện được
- d. Tạo cả hai tập tin `text1.doc` và `text2.doc`

18. Đang ở user **thuctap**, lệnh `ls -Ra /etc` thực hiện công việc

- a. Không thực hiện được
- b. **Liệt kê danh sách thư mục con trong /etc một cách đệ qui (các thư mục con và danh sách file...)**
- c. Chỉ liệt kê tên các thư mục con trong `/etc`
- d. Chỉ liệt kê danh sách các file có thuộc tính ẩn trong `/etc`

19. Login vào **root**, sau đó lần lượt thực hiện các lệnh `su pvthuan`; `useradd user1` sẽ cho kết quả

- a. Tạo user có tên là `user1` và có home directory là `/home/user1`
- b. Tạo user có tên là `user1` và có home directory là `/home/pvthuan/user1`
- c. **Không thực hiện được**
- d. Phải biết password của `pvthuan` và sau đó tạo được account là `user1`

20. Login vào user **pvthuan**, sau đó lần lượt thực hiện các lệnh `su root`; `useradd temp` sẽ cho kết quả

- a. Không thực hiện được
- b. Tạo user tên là `temp` và có home directory là `/home/temp`
- c. Tạo user tên là `temp` và có home directory là `/pvthuan/temp`
- d. **Nếu biết password của root thì sẽ tạo được user temp**

21. Login vào user **pvthuan**. Tạo các tập tin `text1.txt`, `text2.txt`, `text3.txt`.

Xem quyền được gán cho các tập tin này bằng lệnh gì? `ls -l text1.txt text2.txt ..`

Có thể thay đổi quyền được gán cho các tập tin ở đây không? **được dùng lệnh `chmod [option] mode filename`**

22. Login vào **user pvthuan**. Tạo thư mục Test.

Xem quyền được gán cho Test bằng lệnh gì? **ls -l Test.....**

Có thể thay đổi ticky bit của Test ở đây không? **Được..**

Nếu có thể thay đổi ticky bit của Test thì dùng lệnh nào? **chmod [option] mode test**

23. Tạo tập tin **vb1.txt** trong thư mục Test (Test trong thư mục hiện hành). Xem nội dung 5 dòng đầu tiên của **vb1.txt**

cat > vb1.txt

head -5 vb1.txt

24. Login bằng user1 và tạo thư mục Test. Lệnh **chmod 000 Test** sẽ

- a. Không thực hiện được
- b. **Xóa tất cả các quyền truy nhập thư mục Test của user, group và other**
- c. Xóa tất cả các quyền truy nhập thư mục Test của group và other, chủ nhân có quyền truy nhập.
- d. Vẫn cho phép xem danh sách tập tin và thư mục con trong thư mục Test nhưng không cho phép đọc ghi.

25. Login bằng user1 và tạo thư mục Test. Lần lượt thực hiện các lệnh **chmod 070 Test; cat > Test/vb2.txt** sẽ cho kết quả

- a. Xem nội dung tập tin vb2.txt trong thư mục Test
- b. **Không thực hiện được**
- c. Tạo tập tin vb2.txt trong thư mục Test
- d. Tạo tập tin vb2.txt trong thư mục Test nếu sticky bit của thư mục này được gán bằng 1.

26. Lệnh **ln text1.txt hlk1.txt** sẽ

- a. Thực hiện công việc gì?...**tạo hard link.**
- b. Tập tin text1.txt và hlk1.txt có gì giống và khác nhau? ?
Giống : số inode, cùng số liên kết
Khác : tên
- c. Xóa hlk1.txt thì text1.txt có bị xóa theo không?...**Không.....**
- d. Xóa text1.txt thì hlk1.txt có bị xóa theo không?.. **Không. Nhưng hlk1 trở nên vô nghĩa.....**

27. Lần lượt thực hiện các lệnh **ln text3.txt hlk3.txt; chmod 000 text3.txt** sẽ

- a. Xóa tất cả các quyền truy nhập tập tin text3.txt
- b. **Xóa tất cả các quyền truy nhập tập tin text3.txt và hlk3.txt**
- c. Xóa tất cả các quyền truy nhập tập tin hlk3.txt
- d. Không thực hiện được

28. Lần lượt thực hiện các lệnh **ln text3.txt hlk3.txt; chmod 077 text3.txt; cp text3.txt copy3.txt** sẽ cho kết quả

- a. **Lệnh cp không thực hiện được (nếu không phải là root)**

- b. Sao chép tập tin text3.txt thành tập tin copy3.txt
- c. Tập tin mới copy3.txt có cùng i-node với text3.txt
- d. Tạo tập tin mới copy3.txt có cùng i-node với hlk3.txt

29. Khi liệt kê danh sách tập tin bằng lệnh **ls -li** làm sao ta biết được tập tin **text3.txt** có mấy hard-link đến nó và tập tin nào là hard-link của nó.

...Xem số inode ở cột 1...

Tập tin có cùng số inode chính là hard-link của nó

30. Lệnh **ln -s vb1.doc slk1.doc** thực hiện công việc gì?Tạo symboliclink (soft link) cho vb1.doc là slk1.doc

Sau khi thực hiện lệnh này thì

- a. vb1.doc và slk1.doc sẽ có cùng số i-node không?....**Không..**
- b. vb1.doc và slk1.doc có quyền truy nhập giống nhau không?.....**Không..**
- c. Khi thực hiện lệnh **ls -l** thì cột số liên kết của slk1.doc và vb1.doc sẽ là bao nhiêu?.....**1**.....
- d. Thực hiện lệnh **ls -l** ta có thể biết vb1.doc và slk1.doc có liên quan với nhau không?.....**Biết**..... nếu biết thì bằng cách nào?...

Màn hình hiển thị vb1.doc → slk.doc

31. Lần lượt thực hiện các lệnh **ln -s vb2.doc slk2.doc; chmod 000 slk2.doc** sẽ có tác dụng

- a. **Xóa tất cả các quyền truy nhập tập tin của slk2.doc**
- b. Xóa tất cả các quyền truy nhập tập tin vb2.doc và slk2.doc
- c. Xóa tất cả các quyền truy nhập tập tin vb2.doc
- d. Không thực hiện được

32. Lần lượt thực hiện các lệnh **ln -s vb3.doc slk3.doc**, sau đó thực hiện lệnh **rm vb3.doc** thì

- a. Không thực hiện được
- b. Xóa vb3.doc nhưng slk3.doc vẫn đọc được bình thường
- c. **Xóa vb3.doc và không thể đọc được nội dung của slk3.doc**
- d. Xóa cả các tập tin vb3.doc và slk3.doc

33. Sau lệnh **ln -s vb4.doc slk4.doc**, ta thực hiện lệnh **rm slk4.doc** thì

- a. Không thực hiện được
- b. **Xóa slk4.doc và không ảnh hưởng gì tới vb4.doc**
- c. Xóa slk4.doc và vb4.doc không truy nhập được
- d. Xóa cả vb4.doc và slk4.doc

34. Sau lệnh **umask 777**, ta thực hiện lệnh **cat > test.doc** thì

- a. Tạo ra tập tin test.doc có tất cả các quyền đọc, ghi và thực thi với tất cả mọi người.
- b. **Tạo ra tập tin test.doc không có quyền nào với tất cả mọi người (default 777 – 777 of umask)**
- c. Không tạo được tập tin test.doc
- d. Xem nội dung của test.doc

35. Để mặc nhiên sau khi tạo tập tin, tập tin có tất cả các quyền cho chủ nhân và chỉ có quyền đọc cho nhóm và cho những người khác thì phải thực hiện lệnh gì?
.umask 033.....

36. Lệnh **ls -l text?.txt** sẽ thực hiện

- a. Không thực hiện được vì lệnh **ls** chỉ sử dụng cho thư mục
- b. Liệt kê tên tất cả các tập tin **text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...**
- c. **Liệt kê tất cả các tập tin text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...một cách chi tiết: kích thước, số liên kết, ngày giờ, owner, group...**
- d. Xem nội dung các tập tin **text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...**

37. Lệnh **cat text?.txt** sẽ thực hiện

- a. Không thực hiện được
- b. **Xem nội dung các tập tin text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...**
- c. Nối các tập tin **text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...** để tạo thành tập tin mới
- d. Chỉ xem nội dung của tập tin có tên là **text?.txt** mà không xem được nội dung các tập tin khác như **text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...**

38. Lệnh **cat > text*.txt** sẽ

- a. Không thực hiện được
- b. **Tạo tập tin có tên text*.txt ghi vào thư mục hiện hành**
- c. Ghi nội dung đang hiển thị trên màn hình thành tập tin **text*.txt**
- d. Xem nội dung của tất cả các tập tin **text1.txt, text2.txt..., texta.txt, ...**

39. Đăng nhập với **root**. Lệnh **useradd temp** thực hiện

- a. Tạo user **temp** thuộc group **root**
- b. **Tạo user temp thuộc group temp**
- c. Tạo user **temp** không thuộc group nào cả
- d. Tạo user **temp** mà khi đăng nhập không cần password

40. Giả sử **temp** là user có home directory là **/home/temp**. Đăng nhập bằng **root** và đánh lệnh sau **cat > /home/temp/vb1.txt** sẽ thực hiện

- a. Tạo tập tin **vb1.txt** có group là **temp** và owner là **root**
- b. **Tạo tập tin vb1.txt có group là root và owner là root**
- c. Tạo tập tin **vb1.txt** có group là **temp** và owner là **temp**
- d. Không thực hiện được lệnh này

41. Đăng nhập bằng **user1** và lần lượt thực hiện các lệnh **mkdir EX; cat > EX/vb1.txt**. Lệnh **chgrp -R user2 EX** sẽ

- a. **Không thực hiện được**
- b. Nhóm chủ nhân mới của **EX** và **vb2.txt** sẽ là **user2**
- c. **vb1.txt** có nhóm chủ nhân mới là **user2**, **EX** vẫn giữ nguyên nhóm chủ nhân là **user1**.
- d. **EX** có nhóm chủ nhân mới là **user2** và **vb1.txt** vẫn giữ nguyên nhóm chủ nhân là **user1**.

42. Đăng nhập bằng **root**. Sau lệnh **ln vb1.doc hlk1.doc** thì lệnh **chgrp temp vb1.doc** sẽ

- a. Thay đổi nhóm chủ nhân của vb1.doc thành temp
 - b. Thay đổi nhóm chủ nhân của hlk1.doc thành temp
 - c. **Thay đổi nhóm chủ nhân của vb1.doc và hlk1.doc thành temp**
 - d. Không thực hiện được
43. Đăng nhập bằng **root**. Sau lệnh **ln vb2.doc hlk2.doc** thì lệnh **chown temp hlk2.doc** sẽ
- a. Thay đổi chủ nhân của hlk2.doc thành temp
 - b. Thay đổi chủ nhân của vb2.doc thành temp
 - c. **Thay đổi chủ nhân của hlk2.doc và vb2.doc thành temp**
 - d. Không thực hiện được
44. Đăng nhập bằng **root**. sau lệnh **ln -s text1.txt slk1.txt**. Lệnh **chgrp --dereference temp text1.txt** sẽ thực hiện
- a. **text1.txt có nhóm chủ nhân mới là temp**
 - b. slk1.txt có nhóm chủ nhân mới là temp
 - c. Cả text1.txt và slk1.txt có nhóm chủ nhân mới là temp
 - d. Không thực hiện được
45. Đăng nhập bằng **root**. Sau lệnh **ln -s text1.txt slk1.txt**. Lệnh **chown -h temp slk1.txt** sẽ thực hiện
- a. **Chủ nhân mới của slk1.txt sẽ là temp**
 - b. Chủ nhân mới của text1.txt sẽ là temp
 - c. Cả text1.txt và slk1.txt có chủ nhân mới là temp
 - d. Không thực hiện được
46. Đăng nhập bằng **root**. Sau lệnh **chmod 1000 vb5.txt**. Lệnh **rm -f vb5.txt** sẽ thực hiện
- a. **Xóa tập tin vb5.txt**
 - b. Không thực hiện được
 - c. Xóa tập tin vb5.txt nếu chủ nhân của nó là root
 - d. Xóa tập tin vb5.txt nếu nhóm chủ nhân của nó là root
47. Đăng nhập bằng **user1**. Sau lệnh **chmod ugo-rx test.txt**. Lệnh **rm -f test.txt** sẽ
- a. Không thực hiện được
 - b. **Xóa tập tin test.txt**
 - c. Chỉ xóa được nếu chủ nhân của test.txt là root
 - d. Chỉ xóa được nếu nhóm chủ nhân của test.txt là root
48. Hai lệnh **chmod a-wrx a.txt** và **chmod ugo= a.txt** có tương đương với nhau không?**Có**
 Nếu có thì chúng thực hiện công việc gì? **Gán lại quyền cho file a.txt chủ nhân, nhóm, người dùng khác không có quyền gì hết.**
 Nếu không thì cho biết mỗi lệnh thực hiện công việc gì?

49. Giả sử đã có tập tin **test1.txt** trong thư mục hiện hành Hai lệnh sau có cho kết quả giống nhau không?.....**Không**.....

ls -l /home > test1.txt (1)

ls -Rl /home >>test1.txt|more (2)

-Nếu cho kết quả giống nhau thì cho biết kết quả đó là gì?.....

-Nếu cho kết quả khác nhau thì cho biết kết quả của từng lệnh là gì?

(1) Tạo file test1.txt mới với nội dung là tất cả những thông tin theo cách đệ quy của thư mục và tệp tin nằm trong home.

(2) Nếu tồn tại tệp tin test1.txt sẽ thêm thông tin theo đệ quy của các tệp tin và thư mục nằm trong /home và xem nội dung tệp tin test1.txt theo từng trang màn hình

50. Đăng nhập bằng **user1**. Sau các lệnh **cat > ex1.txt**; **su root**. Hai lệnh **chown root ex1.txt** và **chgrp root ex1.txt** sẽ thực hiện

- a. **ex1.txt sẽ có chủ nhân mới là root và nhóm chủ nhân mới là root**
- b. ex1.txt có nhóm chủ nhân mới là root và chủ nhân vẫn là user1
- c. ex1.txt có chủ nhân mới là root và nhóm chủ nhân vẫn là user1
- d. Không thực hiện được

51. Để mặc nhiên sau khi tạo tập tin, tập tin có tất cả các quyền cho chủ nhân và chỉ có quyền đọc cho nhóm và cho những người khác thì phải thực hiện lệnh gì?

chmod 744 file

52. Login với quyền root, lần lượt thực hiện các lệnh **cat > test.txt**; **mount /dev/cdrom test.txt** sẽ có tác dụng

- a. **tạo tập tin test.txt và mount cdrom với mount point là test.txt**
- b. tạo tập tin test.txt và không mount được cdrom
- c. tạo tập tin test.txt và mount cdrom vào /mnt/cdrom
- d. tất cả đều sai

53. Lệnh **rm -Rf /proc/1170** có tác dụng

- a. xóa thư mục tiến trình /proc/1170
- b. chỉ xóa được /proc/1170 nếu size của nó là 0
- c. không thực hiện được
- d. nếu login bằng root thì sẽ xóa được /proc/1170

54. Lệnh **cat > /proc/cpuinfo** sẽ

- a. **Tạo tập tin tên cpuinfo trong thư mục /proc**
- b. không thực hiện được
- c. Xem nội dung của tập tin /proc/cpuinfo
- d. Xuất nội dung của màn hình hiện hành ra tập tin /proc/cpuinfo

khi ta là root (uperuser), ở bất kỳ shell nào

% dấu nhắc khi chạy C shell
 \$ dấu nhắc khi chạy Bourne shell hoặc Korn shell
 ~ dấu nhắc khi chạy tcsh shell

- **Shell** mặc định của Linux là bash, file bash trong /bin
- Nhận diện máy UNIX đang dùng : tên, phiên bản, tên máy, kiến trúc bộ vi xử lý, ...
uname -a
 - Thay đổi *vĩnh viễn* : dùng lệnh **usermod**
usermod -s /bin/sh thuan
 - Thay đổi *tạm thời* (chuyển tạm thời qua shell khác) : tên **shell**
\$ bash

Trợ giúp dùng lệnh: **man**

Khi thêm user mới thì phải ở root.useradd passwd

55. Với dấu nhắc lệnh và lệnh sau **#mount /dev/cdrom /** ta có được

- cdrom mount ở /
- không mount được cdrom
- mount cdrom với mount point là /mnt/cdrom
- mount cdrom với mount point là /root

56. Lệnh **mount /dev/cdrom** có tác dụng

- mount cdrom với mount point là thư mục hiện hành
- mount cdrom với mount point là /root
- mount cdrom với mount point là /mnt/cdrom
- không thực hiện được vì không chỉ ra mount point

57. Lệnh **mount /mnt/cdrom** sẽ

- mount cdrom với mount point là /mnt/cdrom
- mount cdrom với mount point là thư mục hiện hành
- không thực hiện được
- mount cdrom với mount point là /dev/cdrom

58. Lệnh **mount /mnt/cdrom /dev** sẽ

- mount cdrom với mount point là /dev
- không thực hiện được
- mount cdrom với mount point là /mnt/cdrom
- nếu login bằng root thì lệnh này thực hiện được

59. Để truy cập dữ liệu trên một đĩa flash (USB) ở thư mục Myflash ta dùng lệnh sau **mount /dev/sdc1 /Myflash**. Muốn xóa gắn kết này ta phải thực hiện những lệnh gì?

.....

60. Với thư mục hiện hành là / thì hai lệnh **df** và **df /** có tác dụng giống nhau không?

.....
Nếu có thì cho biết chúng thực hiện công việc gì?

.....
Nếu không thì cho biết tác dụng của từng lệnh.

.....
.....

61. Mounting một thiết bị là gì?

.....
Sau khi mount một thiết bị thì mount point của thiết bị đó là gì?

.....
.....

62. Gọi tên và cho biết ý nghĩa của **root**, **/root** và **/**

.....
.....
.....

63. Ý nghĩa của file **/etc/fstab**

.....
giải thích lệnh

/dev/cdrom /mnt/cdrom iso9660 user,noauto,ro 0 0

trong tập tin **/etc/fstab**.

.....
.....
.....
.....
.....

64. Trong Linux, thư mục tiến trình là thư mục gì và đặc điểm của nó là gì?

.....
.....
.....
.....

65. Ý nghĩa của tập tin **/etc/inittab**

.....

Các thành phần và ý nghĩa ngắn gọn của từng phần trong tập tin **/etc/inittab**

.....
.....
.....
.....

66. Để mặc nhiên sau khi tạo tập tin, tập tin có tất cả các quyền cho chủ nhân và chỉ có quyền đọc cho nhóm và cho những người khác thì phải thực hiện lệnh gì?

.....

1. Cho biết kết quả của dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

```
#for f in *; do if grep -l 'text' $f; then more $f; fi;done
```

- a. Lệnh này sai và báo lỗi
- b. Liệt kê danh sách tên tập tin chứa chuỗi 'text' trong thư mục hiện hành
- c. Xem nội dung các tập tin chứa chuỗi 'text' trong thư mục hiện hành
- d. Xem nội dung tập tin text trong thư mục hiện hành

2. Cho biết kết quả của hai dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

```
#first="Hello World"
```

```
#echo $first
```

- a. Lệnh này sai và báo lỗi
- b. Hello World
- c. first
- d. \$Hello World

3. Cho biết kết quả của các dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

```
#x= 50+1
```

```
#echo "$x"
```

- a. 50+1
- b. 51
- c. \$x
- d. Các kết quả trên đều sai

4. Cho biết kết quả của các dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

```
#y=20
```

```
#echo $((y+1))
```

- a. \$y+1
- b. 21
- c. 20+1
- d. Lệnh này sai và báo lỗi

5. Cho biết kết quả của dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

```
#for for in for for for; do echo $for; done
```

- a. Lệnh này sai cú pháp và báo lỗi
- b. Kết quả là for
- c. Kết quả là for for for mỗi chữ trên một dòng
- d. Lệnh này làm máy lặp vô tận và bị treo

6. Cho biết kết quả của dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

```
#x=1; while test "$x" -le 5; do echo "$x"; x=$((x+1)); done
```

- a. Lệnh này sai cú pháp
- b. Kết quả là 1 2 3 4 mỗi số trên một dòng

- c. Kết quả là 2 3 4 5 mỗi số trên một dòng
- d. Kết quả là 1 2 3 4 5 mỗi số trên một dòng

7. Cho biết kết quả của dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

#if [-f a.txt]; then cat a.txt; else echo "file not found"; fi

neu thu muc hien hanh ma co file a.txt hien hanh thi se mo noi dung cua tap tin file a.txt con lai
neu khong co se thong bao file not found

8. Cho biết kết quả của dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

if test -e a.txt; then cat a.txt; fi => #if [-e a.txt]; then cat a.txt; fi

- a. Lệnh sai cú pháp
- b. Nếu có tập tin a.txt trong thư mục hiện hành thì hiển thị nội dung
- c. Nếu không tồn tại a.txt trong thư mục hiện hành thì tạo tập tin mới là a.txt
- d. Kết quả khác

9. Cho biết kết quả của dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

#echo "Nhap ky tu:"; read char; while ["\$char" != "z"]; do echo "Nhap ky tu:"; read char; done

neu ket qua nhap dung thi se thoat ra khoi vong lap while con neu sai cau lenh se thong bao
"Nhap ky tu" rui tiep tục lay ki tu do so sanh cho đến khi nào giống chu ki tu z thì se thoat khoi
vong lap

10. Cho biết kết quả của các dòng lệnh sau khi gõ từ dấu nhắc lệnh

#set 100 300 500 abc 700 def

#echo \$3

- a. Lệnh sai và báo lỗi
- b. 3
- c. 500
- d. Kết quả khác